



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam

Ngày 30/06/2025	25,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.3%	-2.8%	-4.6%

DT thuần Q2/25
173
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 88.3 104%
YoY: ▲ 66.0 61.9%

LN thuần Q2/25
87.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 73.9 551%
YoY: ▲ 58.5 203%

LN sau thuế Q2/25
69.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 58.8 549%
YoY: ▲ 46.7 205%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
50.9%
YoY: +/- ▲ 33.4%

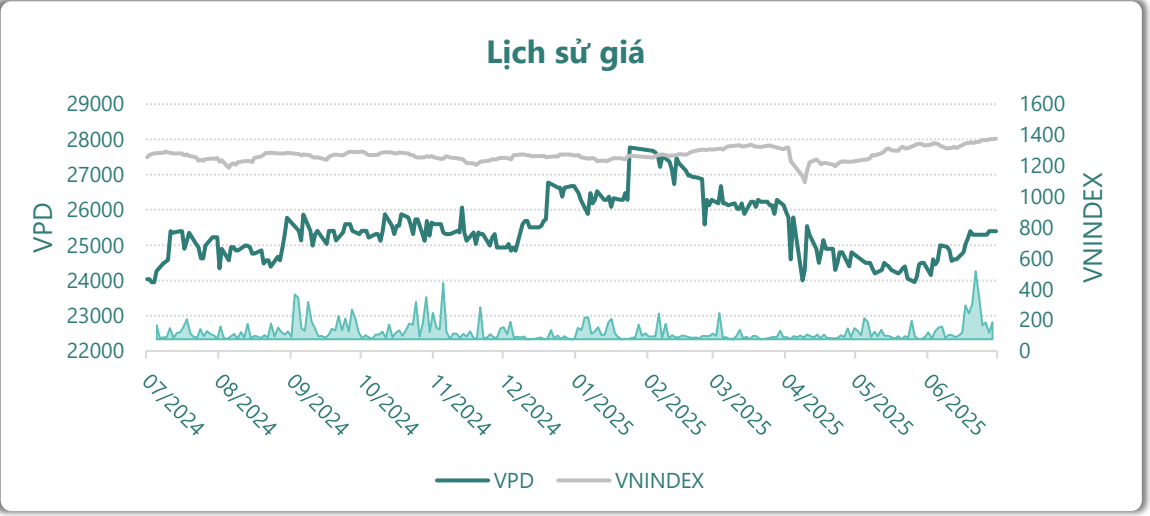
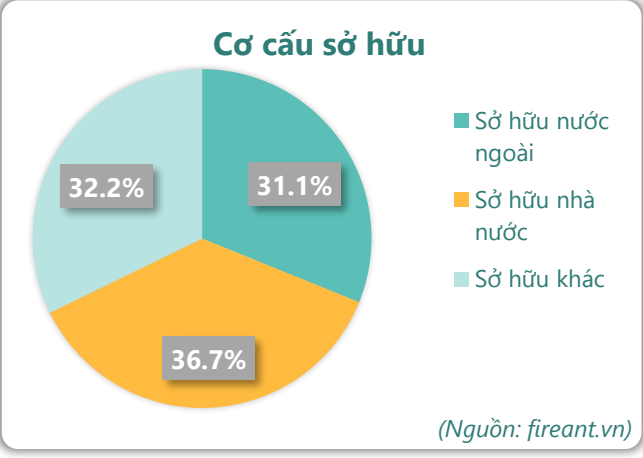
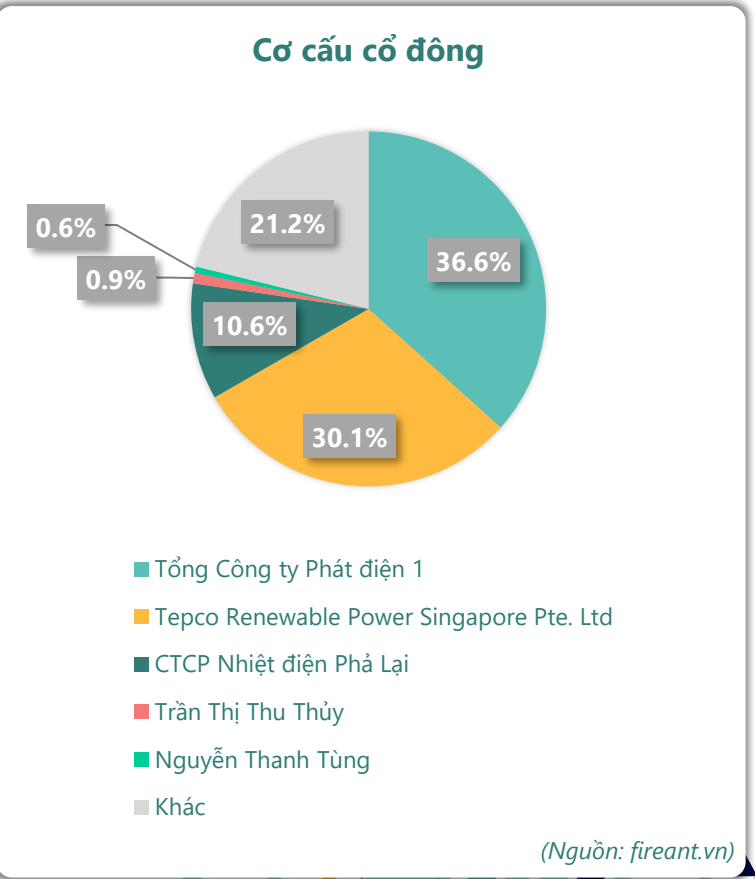
ROE (TTM) Q2/25
17.4%
YoY: +/- ▲ 3.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	23,947 - 27,770
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,707
Số lượng CPLH (CP)	106,589,629
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,001
Sở hữu nước ngoài	31.1%
Beta	0.46
EPS	2,395
P/E	10.6

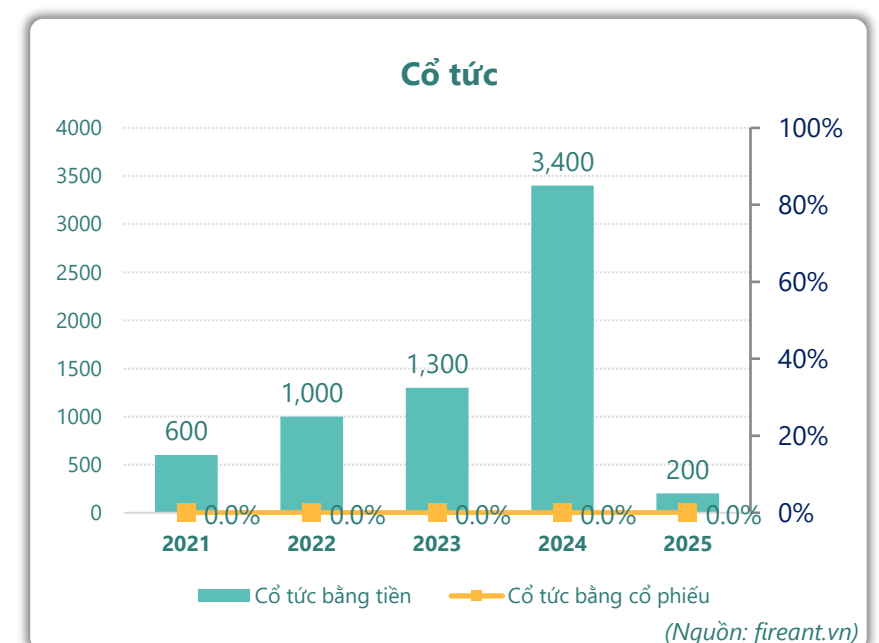
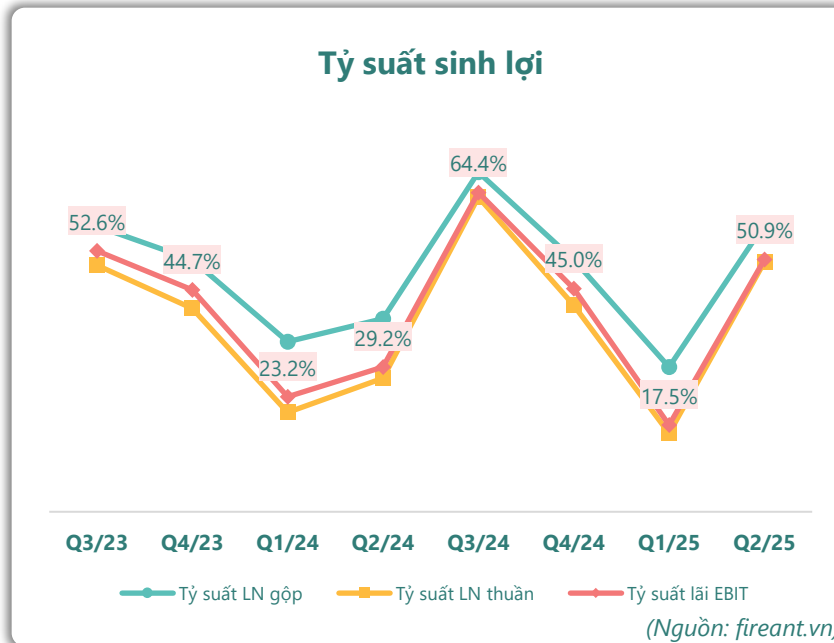
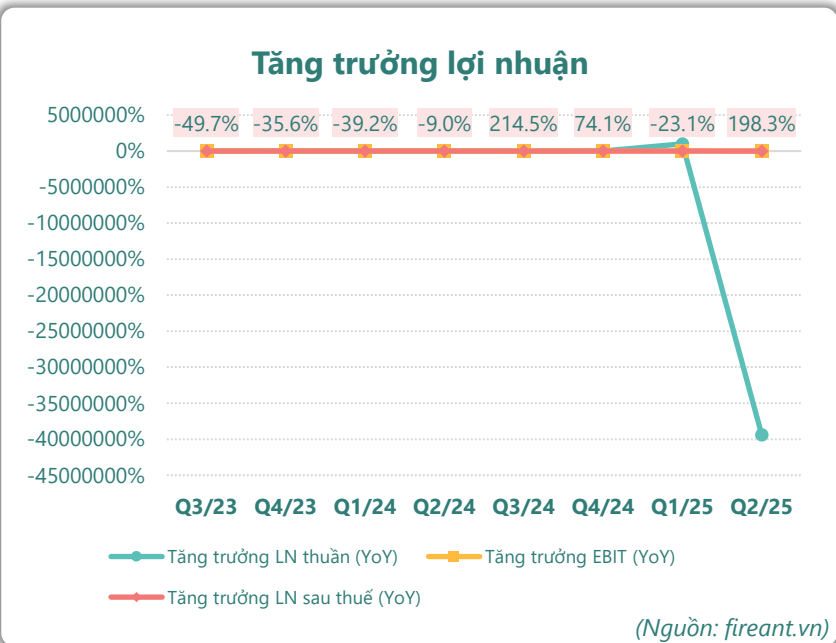
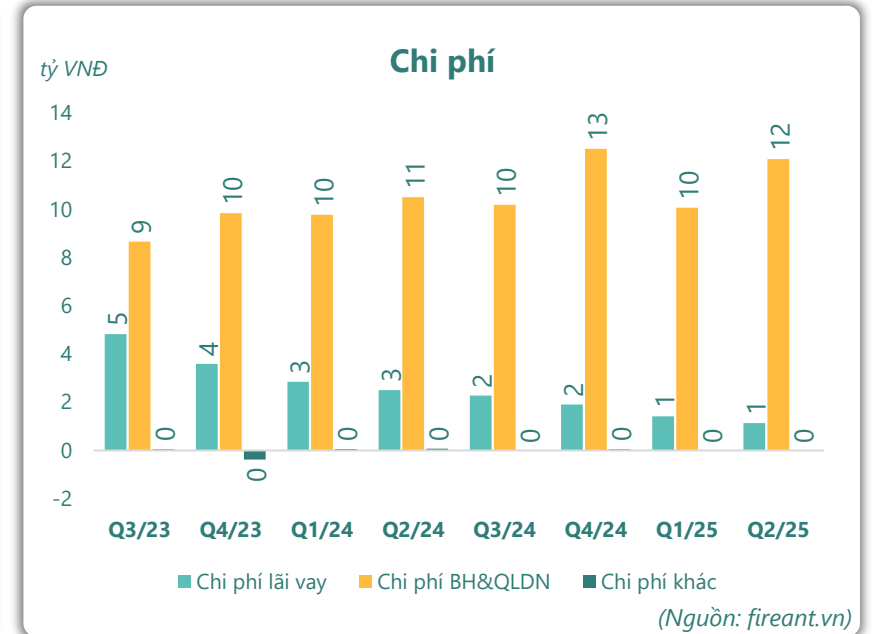
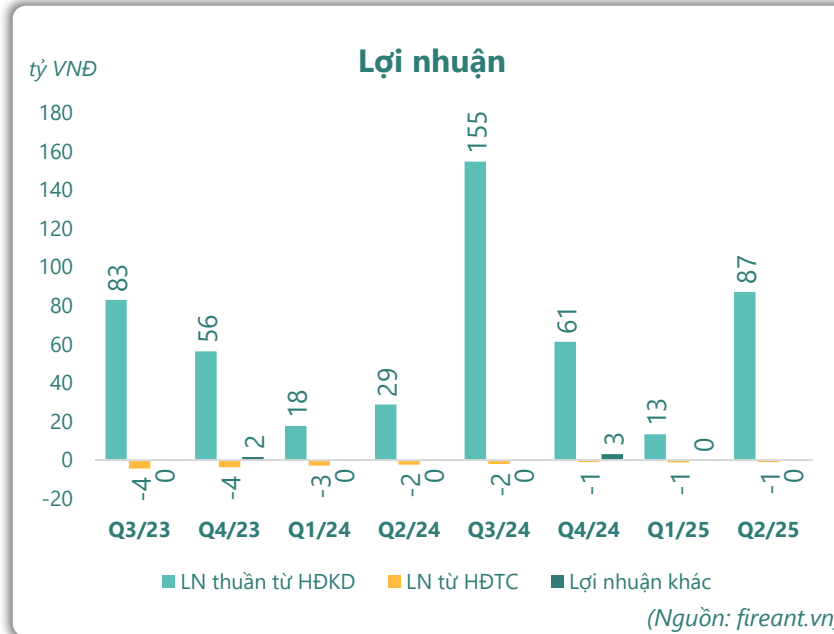
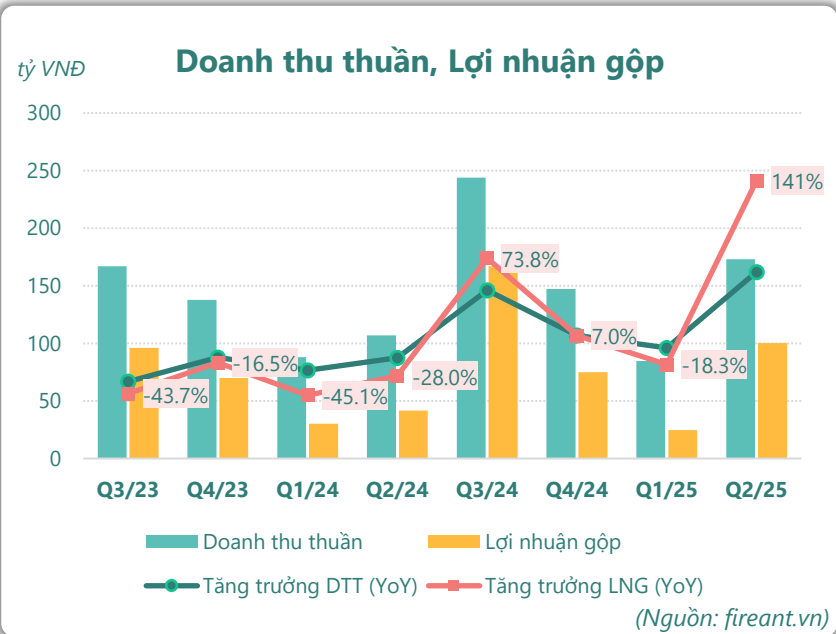
DT thuần 6T 2025
258
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 63.0 32.2%

LN thuần 6T 2025
101
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 54.6 117%

LN sau thuế 6T 2025
80.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 43.4 118%



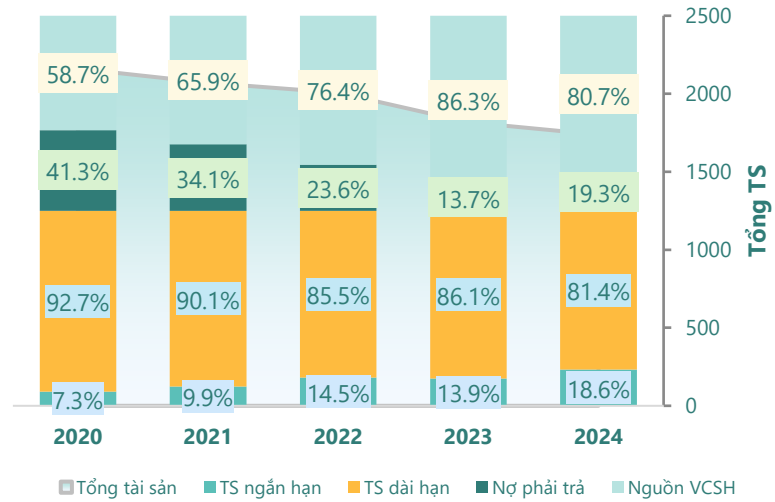
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

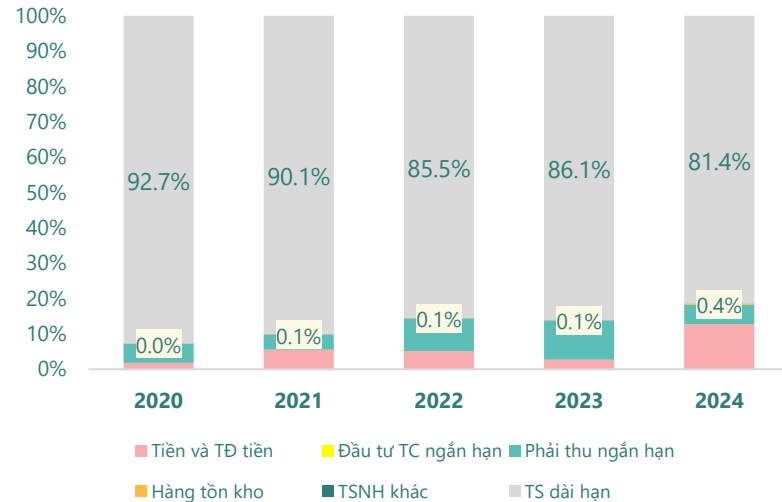
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

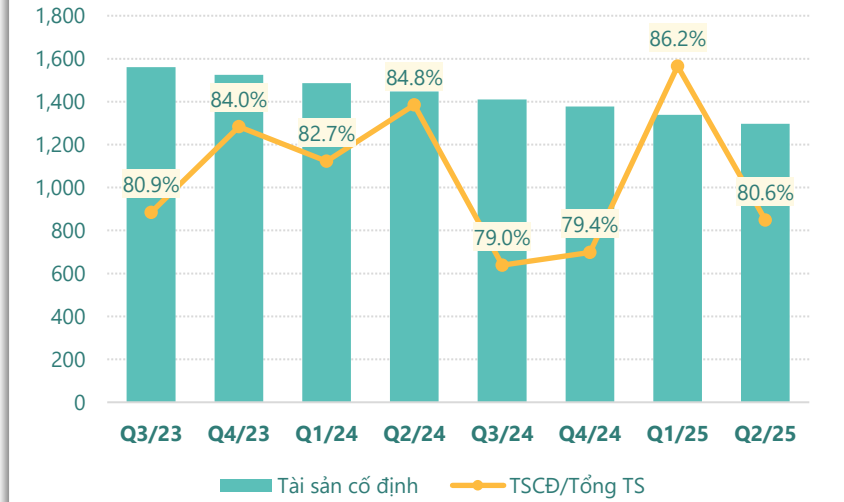
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

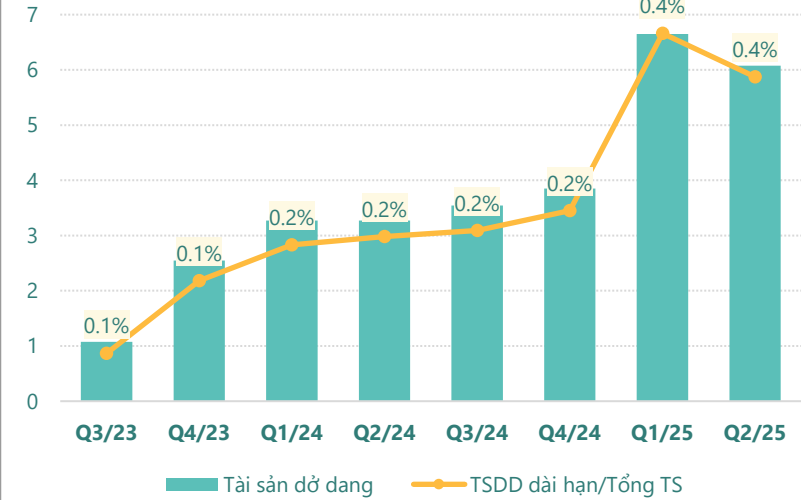
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

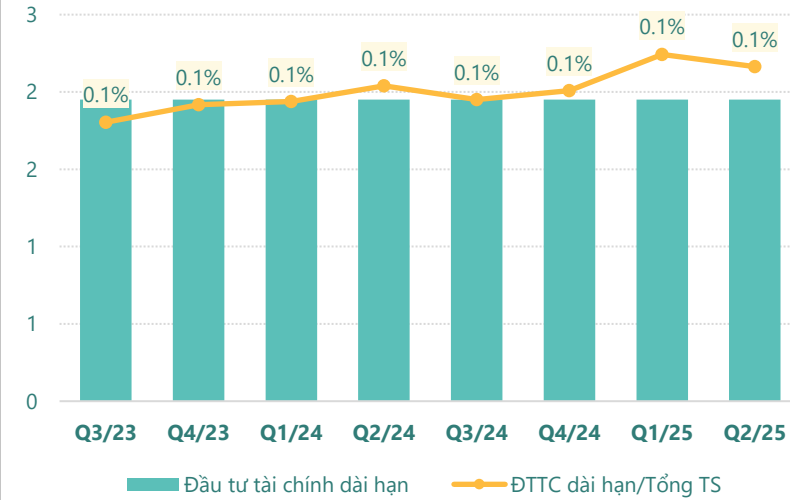
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

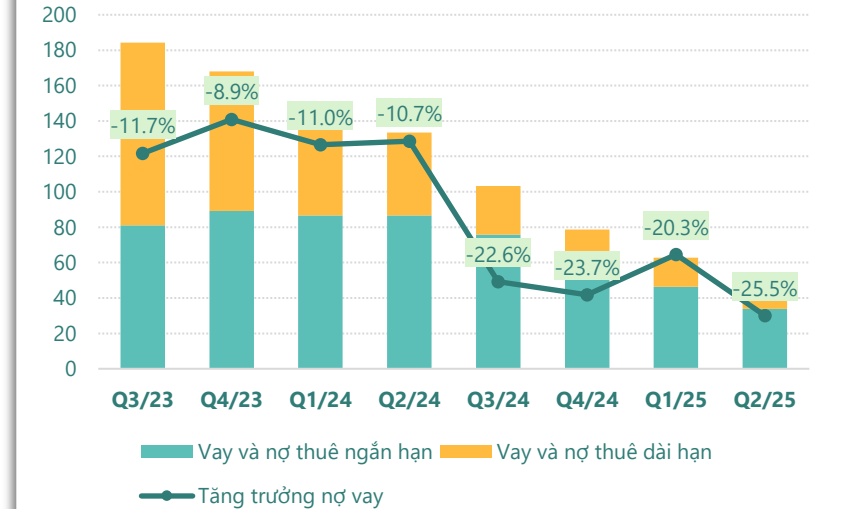
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

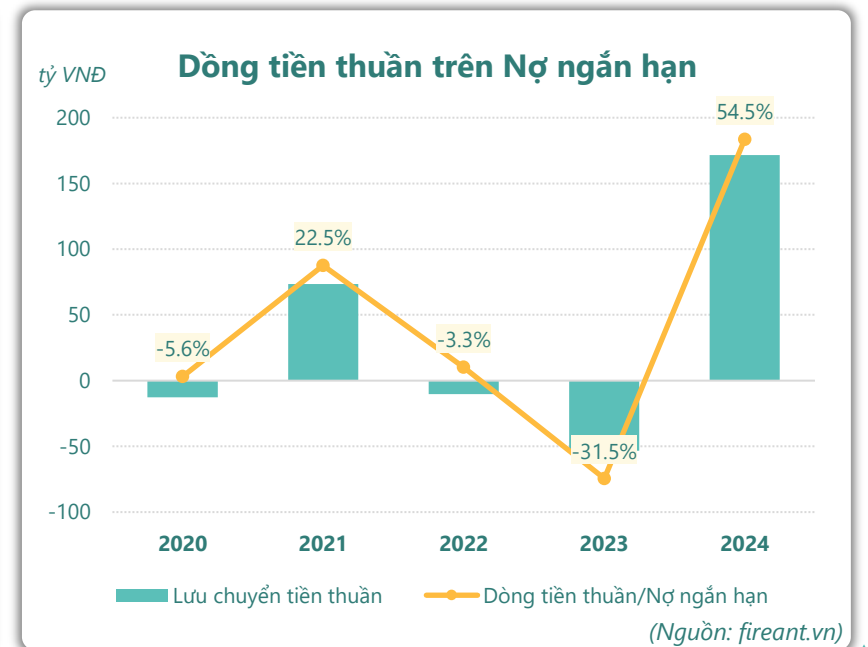
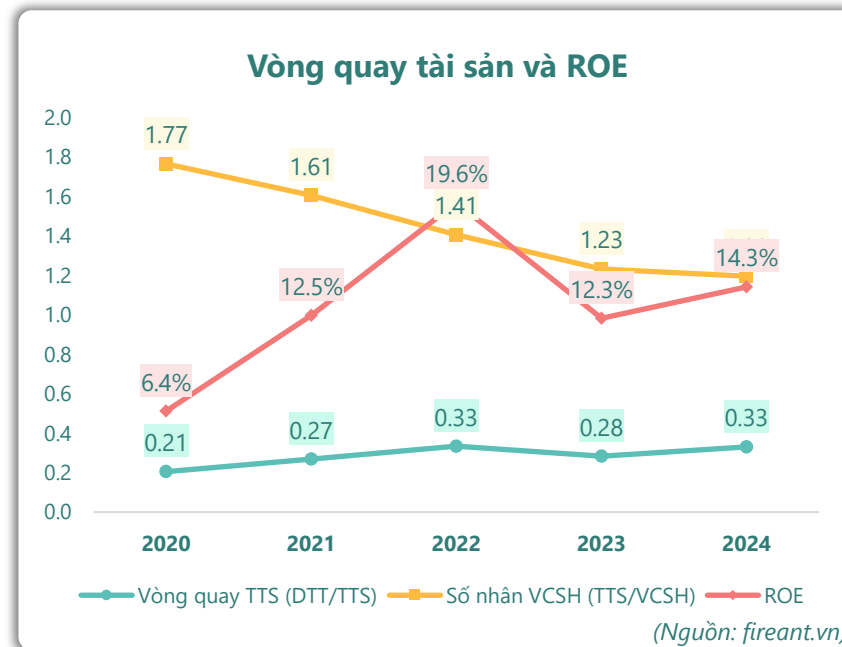
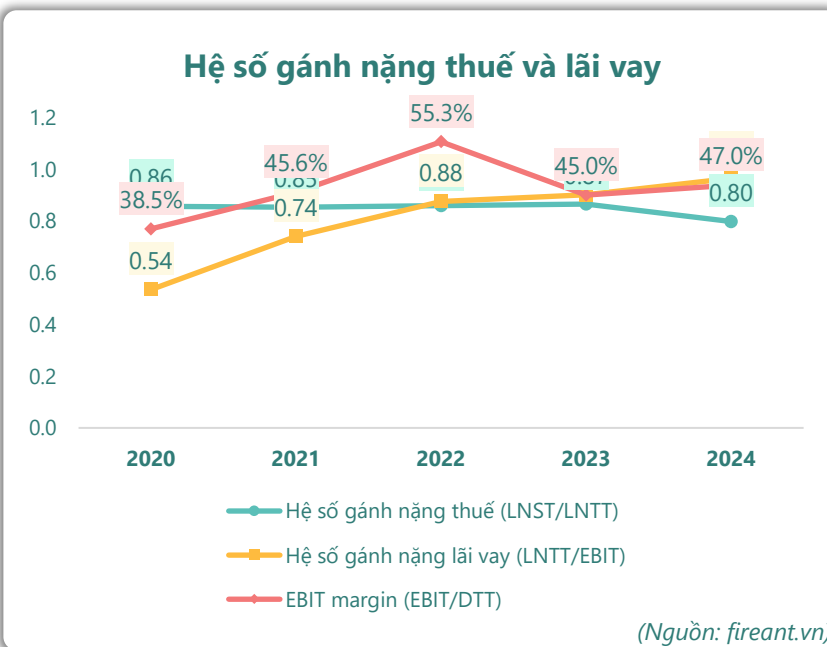
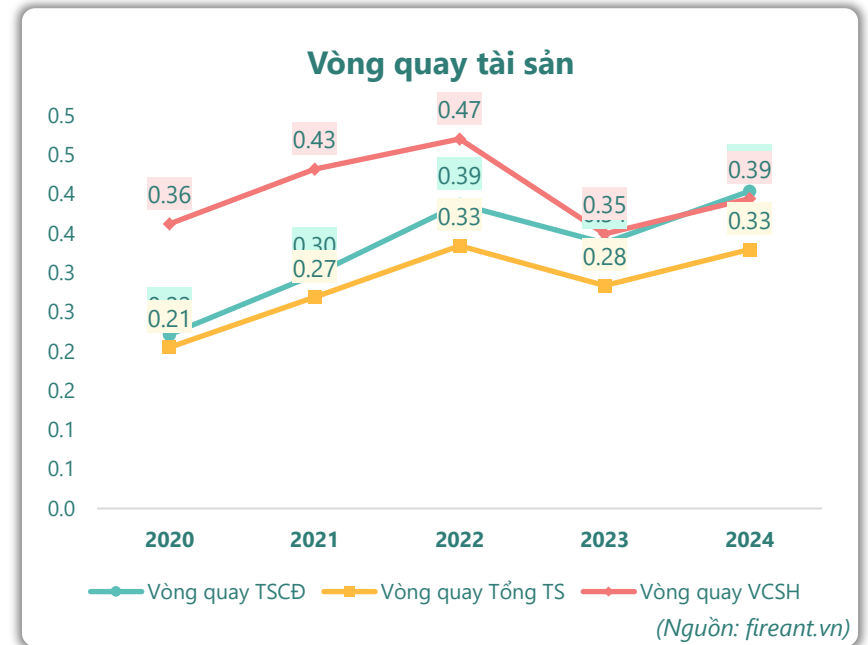
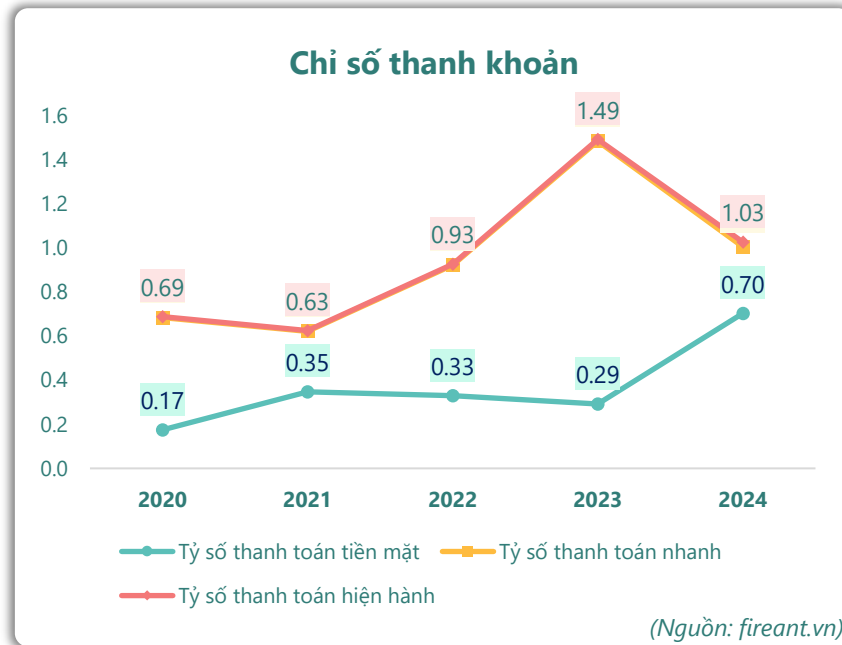
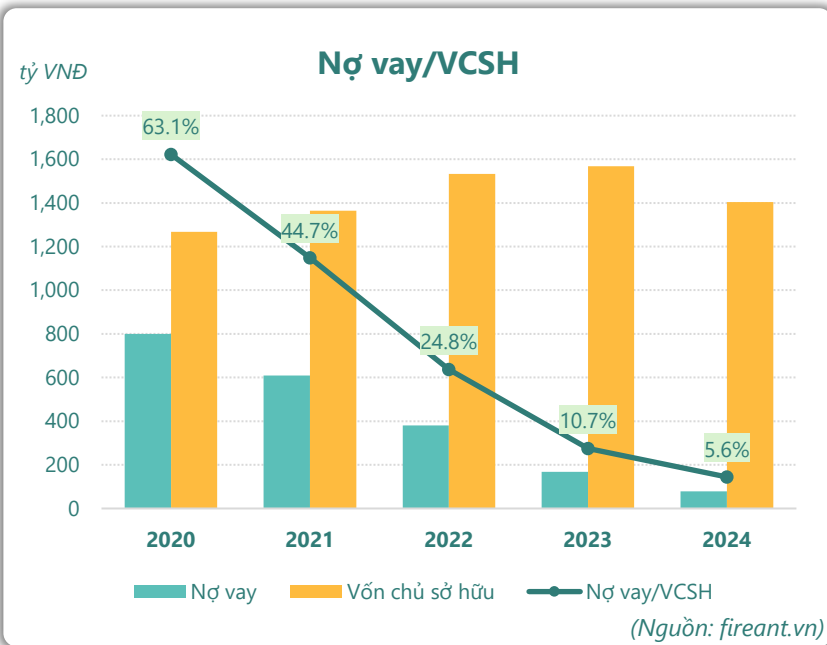
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	173	107	61.9%	258	195	32.2%
Giá vốn hàng bán	72.8	65.3	11.5%	133	123	7.8%
Lợi nhuận gộp	100	41.6	141%	125	71.9	74.1%
Doanh thu HĐTC	0.47	0.52	-9.0%	0.98	0.88	11.4%
Chi phí TC	1.48	2.84	-47.7%	3.25	6.03	-46.1%
Chi phí lãi vay	1.13	2.50	-54.8%	2.54	5.35	-52.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	12.1	10.5	15.2%	22.2	20.3	9.2%
LN thuần từ HĐKD	87.3	28.8	203%	101	46.4	117%
Lợi nhuận khác	-0.34	-0.08	-321%	-0.33	-0.15	-126%
LN trước thuế	86.9	28.7	203%	100	46.3	117%
Lợi nhuận sau thuế	69.5	22.8	205%	80.2	36.8	118%
LNST của CĐ cty mẹ	69.5	22.8	205%	80.2	36.8	118%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	143	68.1	28.6	231	3.67	43.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.92	0.39	0.61	0.00	-2.18	-1.63
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.2	-120	-82.3	-77.1	-306	107
Tiền đầu kỳ	49.7	172	121	67.7	221	-83.2
Lưu chuyển tiền thuần	122	-51.3	-53.0	154	-304	148
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	172	121	67.7	221	-83.2	65.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,609	1,738	-7.4%
Tài sản ngắn hạn	273	323	-15.4%
Tiền và tương đương tiền	65.1	221	-70.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	202	94.2	115%
Hàng tồn kho	5.11	6.78	-24.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.41	0.50	-19.0%
Tài sản dài hạn	1,336	1,415	-5.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,297	1,377	-5.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.08	3.85	58.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.95	1.95	0.0%
Tài sản dài hạn khác	31.2	32.2	-3.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	167	335	-50.0%
Nợ ngắn hạn	153	315	-51.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	33.8	58.8	-42.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.8	14.7	-26.1%
Nợ dài hạn	14.0	20.0	-30.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	13.0	20.0	-35.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,442	1,403	2.8%
Vốn chủ sở hữu	1,442	1,403	2.8%
Vốn điều lệ	1,066	1,066	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

